TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1349/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 9 - 2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Linh Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Hoa

2. Bà Lâm Thị Hoàng Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Lệ - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 0579/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 411/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn là bà B, sinh năm: 1993; căn cước công dân: 093193001750; địa chỉ: H, xã VT, huyện Vt, tỉnh Hậu Giang nay là VH, xã VT, thành phố Cần Thơ (có đơn đề nghị vắng mặt);

2. Bị đơn là ông A, sinh năm 1990; căn cước công dân: 079090026515; địa chỉ: Nhà không số, cạnh nhà số I, Phường U, quận BT (nay là phường BLT), Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28 tháng 10 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày và yêu cầu: Bà B và ông A kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Tường, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Qúa trình chung sống có ba con chung tên: C, sinh ngày 27 tháng 12 năm 2021, D, sinh ngày 16 tháng 02 năm 2019 và E, sinh ngày 20 tháng 5 năm 2015.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2023 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông A không có trách nhiệm với gia đình, nên vợ chồng không hạnh phúc. Từ hai năm nay, đôi bên không còn sống chung. Nay nhận

thấy tình cảm vợ chồng không có khả năng hàn gắn, nên bà B yêu cầu được ly hôn với ông A.

Về con: Trong thời kỳ hôn nhân, đôi bên có ba con chung tên: C, sinh ngày 27 tháng 12 năm 2021, D, sinh ngày 16 tháng 02 năm 2019 và E, sinh ngày 20 tháng 5 năm 2015. Hiện E đang sống cùng với ông A, nên bà B đồng ý để ông A tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Đối với hai trẻ còn lại C và D đang sống cùng bà B, nên bà B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà B xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông A đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử lần thứ nhất nhưng vẫn không có mặt tại Tòa án để nộp hoặc đưa ra ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán xác định đúng thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, ban hành Thông báo thụ lý vụ án, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xử lý đơn kiện, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định tại Điều 196, khoản 2 Điều 191, Điều 205, khoản 2 Điều 220, Điều 211 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về thủ tục phiên tòa sơ thẩm

3. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

4. Về nội dung vụ án: Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83, 107, 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B. Về con chung: Bà B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai con tên C, sinh ngày 27 tháng 12 năm 2021, D, sinh ngày 16 tháng 02 năm 2019. Bà B không yêu cầu ông Đạt cấp dưỡng nuôi con. Đối với trẻ E, sinh ngày 20 tháng 5 năm 2025 có nguyện vọng được sống với ông A. Bà B cũng đồng ý để ông A tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, cần giao trẻ E cho ông A tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

Nguyên đơn là bà B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là ông A đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự đây là loại vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] *Về yêu cầu của đương sự*:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy hôn nhân giữa bà B và ông A là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp, được pháp luật công nhận theo giấy chứng nhận kết hôn số 56, ngày 07 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Tường, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Bà B yêu cầu ly hôn với ông A. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông A không có mặt để đưa ra ý kiến hay yêu cầu của mình về việc giải quyết vụ án. Điều này thể hiện ông A không quan tâm đến yêu cầu ly hôn của bà B. Như vậy thực chất hôn nhân giữa đôi bên đã không còn, tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B đối với ông A theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình là có cơ sở.

[3.2] Về con: Có ba con chung tên C, sinh ngày 27 tháng 12 năm 2021, D, sinh ngày 16 tháng 02 năm 2019 và E, sinh ngày 20 tháng 5 năm 2015. Xét thấy trẻ E hiện đang sống cùng với ông A và qua lời trình bày của trẻ tại bản tự khai ngày 19 tháng 5 năm 2025 cho thấy trẻ E mong muốn được sống cùng ông A. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của trẻ, Hội đồng xét xử cần tiếp tục giao trẻ E cho ông A tiếp tục nuôi dưỡng. Đối với hai trẻ còn lại là C và D hiện đang sống cùng bà B nên sẽ giao hai trẻ cho bà B tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về phía ông A không có văn bản thể hiện yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà B xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn*: Bà B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; tuyên xử:

1. *Về quan hệ vợ chồng*:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B. Bà B được ly hôn với ông A.

2. *Về con chung*: Ông A là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục trẻ E, sinh ngày 20 tháng 5 năm 2015; Bà B là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục trẻ C, sinh ngày 27 tháng 12 năm 2021 và D, sinh ngày 16 tháng 02 năm 2019. Đôi bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Ông A và bà B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà B xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0053158 ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 -Thành phố Hồ Chí Minh; bà B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm;

5. *Quyền kháng cáo*: Bà B và ông A vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát ND khu vực 5-TPHCM;
- Phòng Thi hành án DS Khu vực 5-TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Linh Phượng

Nơi nhận:
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Linh Phượng